

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Ba.

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Hải Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 38/2020/QĐ-TĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Diệp Thị Hoa Th, sinh năm 1980; *nơi cư trú:* Số 38, đường số 29, tổ 1, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

***- Bị đơn:*** Anh Trần Văn B, sinh năm 1976; *nơi cư trú:* Số 38, đường số 29, tổ 1, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt chị Th và anh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/5/2020, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ

án, nguyên đơn chị Diệp Thị Hoa Th trình bày: Chị và anh Trần Văn B tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên uống rượu bên ngoài rồi về gây gổ với chị, sau những lần uống rượu thì anh đập phá tài sản, từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Ngoài ra cũng có mâu thuẫn về mặt kinh tế nhưng không ảnh hưởng gì nhiều, mâu thuẫn nghiêm trọng nhất là do anh B hay uống rượu rồi đập phá tài sản trong gia đình. Mặc dù vợ chồng vẫn chung sống với nhau 01 nhà, tuy nhiên giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung cách đây khoảng 04 năm, công việc ai nấy làm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung tên Trần Thị K, sinh năm 2001 (cháu Tiên đã lập gia đình); Trần Thị V, sinh ngày 12/8/2004 và Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung là cháu V và cháu Q, yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn anh B. Yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Trần Thị V, sinh ngày 12/8/2004 và Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2013, yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại các biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Văn B trình bày: Về quá trình kết hôn theo như lời trình bày của chị Diệp Thị Hoa Th là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh vẫn chung sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2016, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là về tiền bạc trong gia đình, từ đó giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chuyện chăn gối giữa vợ chồng không còn từ đó cho đến nay. Năm 2017, anh bị tai nạn giao thông nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh có uống rượu rồi đập phá tài sản, tuy nhiên tài sản bị đập phá không có giá trị gì lớn. Khoảng tháng 4/2020 trở lại đây thì giữa vợ chồng không còn nói chuyện, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Th yêu cầu được ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung tên Trần Thị K, sinh năm 2001 (đã lập gia đình); Trần Thị V, sinh ngày 12/8/2004 và Trần Văn Q, sinh ngày

28/6/2013. Anh không đồng ý ly hôn nên về trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con chung anh chưa nghĩ đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh B khai: Anh vẫn còn thương yêu chị Th nên mong muốn chị Th cho anh thêm cơ hội để sửa chữa khuyết điểm. Nếu chị Th đã cương quyết ly hôn thì về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con là Trần Thị V, sinh ngày 12/8/2004 và Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2013. Không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề nông, thu thập bình quân khoảng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ những quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Diệp Thị Hoa Th và ông Trần Văn B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông B thường xuyên uống rượu bên ngoài rồi về nhà gây gỗ, đập phá tài sản, vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình. Từ đó, quan điểm sống giữa hai vợ chồng không hòa hợp, không thể tìm được tiếng nói chung. Bà Th nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Th là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Bà Th và ông B có 03 con chung tên Trần Thị K, sinh năm 2001; Trần Thị V, sinh ngày 12/8/2004 và Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2013. Cháu K đã lập gia đình riêng. Bà Th yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu V và cháu Q, yêu cầu ông Phước phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000

đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu của bà Th là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Diệp Thị Hoa Th và anh Trần Văn B tự nguyện kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do anh B thường hay uống rượu và đập phá tài sản trong gia đình, ngoài ra còn có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc trong gia đình nên giữa vợ chồng thường hay xảy ra cự cãi. Xét thấy, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc và thấu hiểu lẫn nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù anh B không đồng ý ly hôn, nhưng nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh B đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã bị sức mẻ, không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh B khai thống nhất là vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị K, sinh năm 2001; Trần Thị V, sinh ngày 12/8/2004 và Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2013. Xét thấy, con chung của anh chị là Trần Thị K đã thành niên và đã lập gia đình nên không phải xem xét. Chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu V và Q. Nhận thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của con và quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu V và cháu Q đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ, hơn nữa

chị Th là người có sức khỏe, có đạo đức tốt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình để giao 02 cháu V và Q cho chị Th nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh Phước phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thấy rằng, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Xét thu nhập của anh B và mức sống bình quân tại địa phương thì thấy rằng yêu cầu của chị Th là có cơ sở, phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp nên không phải xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Cần buộc chị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**1/ Về hôn nhân:** Chị Diệp Thị Hoa Th ly hôn anh Trần Văn B.

**2/ Về con chung:** Giao cho chị Diệp Thị Hoa Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Trần Thị V, sinh ngày 12/8/2004 và Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2013. Anh Trần Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con (02 con = 2.000.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Diệp Thị Hoa Th có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Trần Văn B phải cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì anh B còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Chị Th có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B có nghĩa vụ phải thi hành ngay số tiền mà Hội đồng xét xử buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu thi hành án của chị Th.

**3/ Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Th và anh B không tranh chấp nên không phải xem xét trong bản án này.

**4/ Về án phí:** Buộc chị Diệp Thị Hoa Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003608 ngày 11/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

**5/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9**

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đ,
- Chi cục THA dân sự huyện Đ,
- UBND xã M,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Huỳnh Văn Thuận**